

| | | | |
|---------------------------|-------------------|-------------|-------------|
| Ngày 31/12/2024 | 25,000 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 8.2% | 4.6% | 5.9% |

| | |
|------------|--------------------------|
| 2024 | |
| ROE | 12.2% |
| | +/- YoY ▼ 1.8% |

| | | |
|-----------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Q4/24 | | |
| DT thuần | 338 | |
| tỷ VNĐ | | |
| | QoQ ▲ 144 ▲ 74.0% | YoY ▲ 15.0 ▲ 4.5% |

| | |
|-----------------|---------------------------------------|
| 2024 | |
| DT thuần | 969 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▼ 36.0 ▼ 3.6% |

| | | |
|---------------|--|---------------------------------------|
| Q4/24 | | |
| LN gộp | 137 | |
| tỷ VNĐ | | |
| | QoQ ▲ 59.2 ▲ 76.6% | YoY ▲ 7.00 ▲ 5.7% |

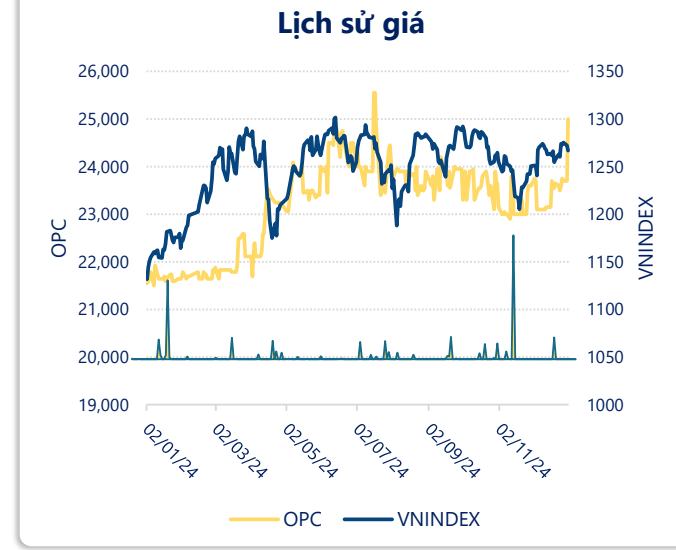
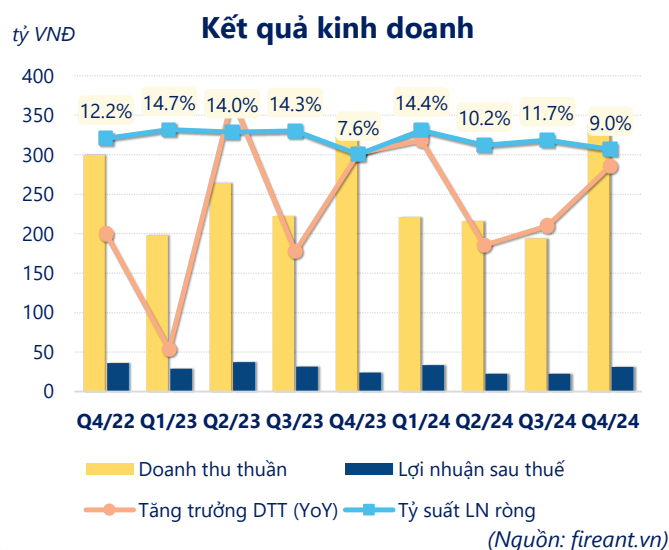
| | |
|---------------|---------------------------------------|
| 2024 | |
| LN gộp | 403 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▼ 24.0 ▼ 5.7% |

| | | |
|-----------------|--|--|
| Q4/24 | | |
| LN thuần | 39.6 | |
| tỷ VNĐ | | |
| | QoQ ▲ 11.0 ▲ 38.5% | YoY ▲ 7.00 ▲ 21.5% |

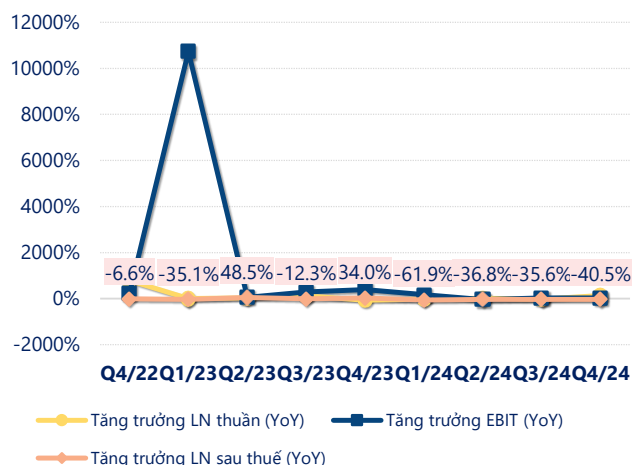
| | |
|-----------------|--|
| 2024 | |
| LN thuần | 138 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▼ 18.0 ▼ 11.6% |

| | | |
|--------------------|--|--|
| Q4/24 | | |
| LN sau thuế | 31.1 | |
| tỷ VNĐ | | |
| | QoQ ▲ 8.50 ▲ 37.5% | YoY ▲ 6.90 ▲ 28.4% |

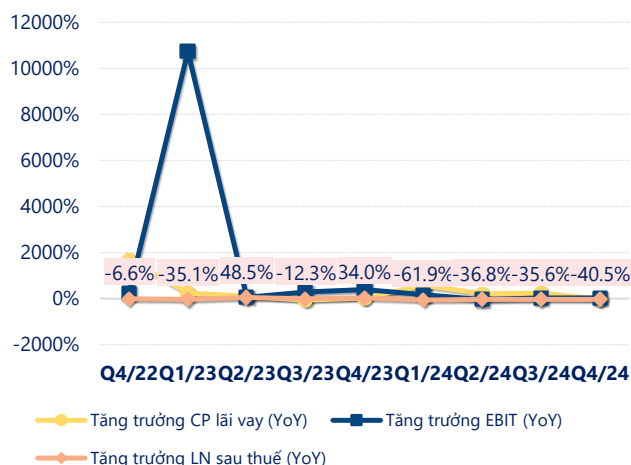
| | |
|--------------------|--|
| 2024 | |
| LN sau thuế | 109 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▼ 13.0 ▼ 10.5% |



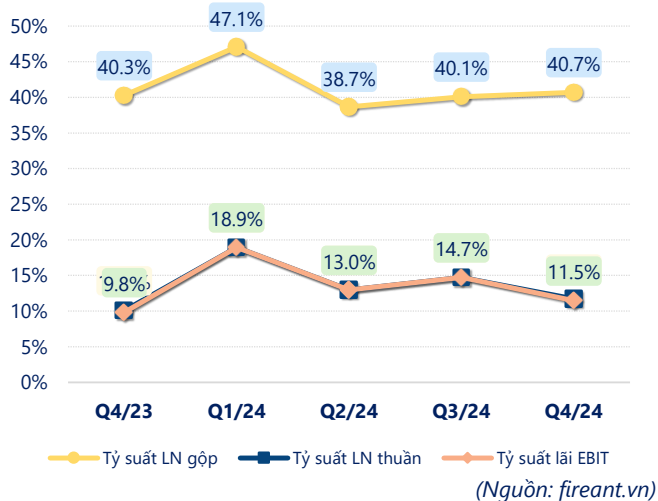
Tăng trưởng lợi nhuận



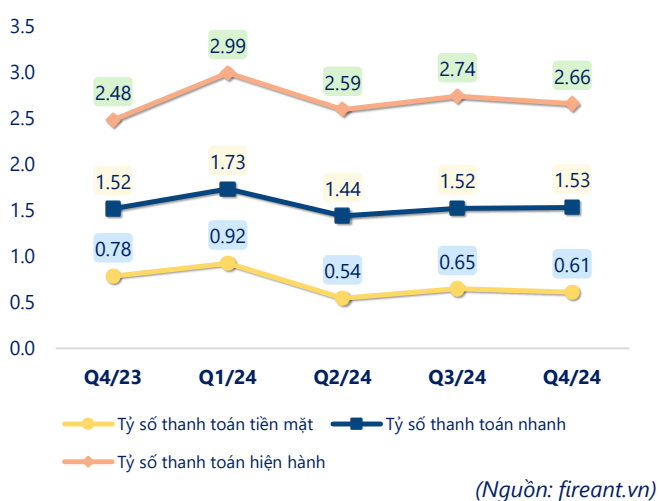
Tăng trưởng chi phí



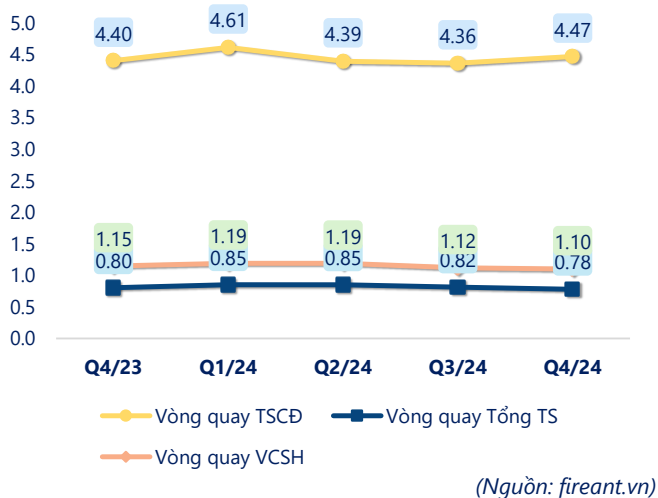
Tỷ suất lợi nhuận



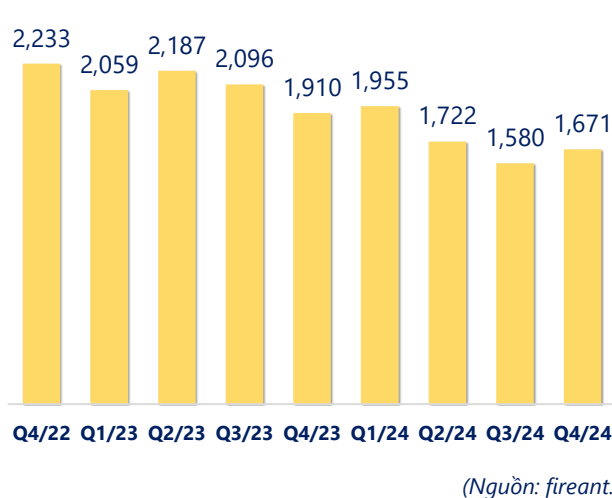
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q4/24 | Q4/23 | Thay đổi YoY | 2024 | 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 338 | 323 | 4.5% | 969 | 1,005 | -3.6% |
| Giá vốn hàng bán | 200 | 193 | 3.7% | 566 | 578 | -2.1% |
| Lợi nhuận gộp | 137 | 130 | 5.7% | 403 | 427 | -5.7% |
| Doanh thu HĐTC | 2.97 | 2.47 | 20.2% | 8.98 | 16.6 | -45.9% |
| Chi phí TC | 1.76 | 2.60 | -32.4% | 6.89 | 7.48 | -7.8% |
| Chi phí lãi vay | 0 | 0.00 | | 0 | 0.33 | -100% |
| LN trong công ty LKLD | 0.49 | 0.60 | -18.1% | 1.54 | 0.84 | 83.1% |
| Chi phí bán hàng | 73.6 | 61.2 | 20.3% | 188 | 181 | 3.8% |
| Chi phí QLDN | 25.9 | 36.9 | -29.8% | 80.6 | 100 | -19.5% |
| LN thuần từ HĐKD | 39.6 | 32.6 | 21.5% | 138 | 156 | -11.6% |
| Lợi nhuận khác | -0.93 | -0.81 | -15.0% | -0.93 | -0.74 | -25.3% |
| LN trước thuế | 38.7 | 31.8 | 21.7% | 137 | 155 | -11.7% |
| Lợi nhuận sau thuế | 31.1 | 24.2 | 28.4% | 109 | 122 | -10.5% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 30.4 | 24.5 | 24.0% | 107 | 122 | -12.4% |

(Nguồn: fireant.vn)

